

## KẾT LUẬN THANH TRA Về việc thanh tra Sở Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Quyết định số 100/QĐ-TTR ngày 30/10/2024 của Chánh Thanh tra tỉnh Thái Nguyên về việc thanh tra Sở Giáo dục và Đào tạo, từ ngày 11/11/2024 đến ngày 10/01/2025, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra Sở Giáo dục và Đào tạo.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 12/01/2025 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh Thanh tra tỉnh kết luận như sau:

### I. KHÁI QUÁT CHUNG

Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên (từ sau đây viết tắt là Sở) là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, có chức năng nhiệm vụ tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Cơ cấu tổ chức của Sở có: 07 phòng chuyên môn thuộc Sở và 33 đơn vị giáo dục trực thuộc (31 trường Trung học Phổ thông, 01 Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật, 01 Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh).

Tổng biên chế và hợp đồng có mặt đến thời điểm 31/12/2023 là 2.106 người (quản lý nhà nước là 48 người; sự nghiệp là 2.058 người). Biên chế chưa tuyển là 55 người (quản lý nhà nước là 01 người; sự nghiệp là 54 người).

Sở là đơn vị dự toán cấp I được UBND tỉnh giao dự toán ngân sách; các đơn vị giáo dục trực thuộc là đơn vị dự toán cấp II do Sở phân bổ dự toán, xét duyệt báo cáo quyết toán.

### II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

#### 1. Thanh tra trách nhiệm của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo

**1.1. Trách nhiệm thực hiện pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo**

##### 1.1.1. Công tác tổ chức tiếp công dân

- Sở đã bố trí nơi tiếp công dân theo quy định, ban hành nội quy, quy chế tiếp công dân, có lịch tiếp công dân của Giám đốc Sở vào ngày 15 hàng tháng và phân công công chức thường trực tiếp công dân, xử lý đơn thư; nội quy và lịch tiếp công dân được niêm yết và công khai trên cổng thông tin điện tử của Sở.

- Sở đã ban hành Kế hoạch số 2198/KH-SGDĐT ngày 30/9/2021 về việc triển khai thực hiện Đề án số 06-ĐA/TU ngày 28/6/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh



về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025”.

- Việc tiếp công dân của Giám đốc sở theo lịch tiếp định kỳ và đột xuất: năm 2022, 2023 tiếp 04 lượt/09 công dân (năm 2022: 02 lượt/05 công dân; năm 2023: 02 lượt/04 công dân). Nội dung tiếp công dân được ghi chép vào Sổ Tiếp công dân theo quy định.

*1.1.2. Việc xử lý giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và theo dõi tổng hợp báo cáo theo quy định của pháp luật*

- Đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền: không phát sinh.

- Đơn tố cáo thuộc thẩm quyền:

+ Năm 2022: 01 vụ/01 đơn từ năm 2021 chuyển sang; Kết quả giải quyết tố cáo: kết luận nội dung tố cáo đúng. Giám đốc Sở đã ban hành Quyết định xử lý kỷ luật đối với ông Nguyễn Văn Trường - Hiệu trưởng Trường Dân tộc nội trú tỉnh (người bị tố cáo) bằng hình thức khiển trách.

+ Năm 2023: không phát sinh.

- Đơn kiến nghị, phản ánh:

+ 77 đơn (Năm 2022: 35 đơn; năm 2023: 42 đơn), trong đó: đơn thuộc thẩm quyền giải quyết là 23 đơn; đơn không thuộc thẩm quyền giải quyết là 22 đơn; đơn được gửi đến nhiều cơ quan cùng thời điểm, đơn trùng nội dung hoặc đơn đã được cơ quan có thẩm quyền giải quyết là 32 đơn.

+ Kết quả giải quyết: 46 phản ánh (23 đơn) về công tác quản lý chuyên môn, quản lý tài chính tại 11 nhà trường. Giám đốc Sở đã kiểm tra, xác minh và ban hành Thông báo giải quyết, trả lời công dân, trong đó: phản ánh đúng là 07 nội dung, phản ánh đúng một phần là 09 nội dung, phản ánh sai là 30 nội dung. Đã tổ chức kiểm điểm 07 tổ chức, kỷ luật với 02 cá nhân.

## **1.2. Trách nhiệm trong việc thực hiện pháp luật thanh tra**

### *1.2.1. Công tác xây dựng, phê duyệt và thực hiện Kế hoạch thanh tra*

- Việc xây dựng và phê duyệt kế hoạch thanh tra: Thanh tra Sở xây dựng kế hoạch công tác thanh tra, kiểm tra hàng năm, được Giám đốc Sở phê duyệt theo quy định về thời gian, nội dung và định hướng của Thanh tra cấp trên, trong đó số cuộc thanh tra theo kế hoạch (gồm cả điều chỉnh) là 15 cuộc: năm 2022 gồm 04 cuộc thanh tra hành chính, 05 cuộc thanh tra chuyên ngành; năm 2023 gồm 03 cuộc thanh tra hành chính, 03 cuộc thanh tra chuyên ngành. Song, Kế hoạch thanh tra chưa có nội dung về thời kỳ thanh tra.

- Việc thực hiện Kế hoạch thanh tra: Hoàn thành 100% số cuộc thanh tra; có 65 kiến nghị trong Kết luận thanh tra yêu cầu các đơn vị khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý chuyên môn về giáo dục, đào tạo và quản lý tài chính.

### 1.2.2. Việc thực hiện Kết luận, kiến nghị

- Việc thực hiện công khai kết luận thanh tra: 15/15 kết luận thanh tra được công khai theo hình thức niêm yết tại trụ sở đối tượng thanh tra.
- Việc thực hiện kết luận, kiến nghị sau thanh tra: đã thực hiện đầy đủ 65 kiến nghị (đạt 100%) theo kết luận thanh tra.

### 1.3. Trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng

#### 1.3.1. Công tác ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai các văn bản chỉ đạo của cơ quan cấp trên về công tác phòng, chống tham nhũng

Sở ban hành 05 kế hoạch và 02 văn bản đơn đốc triển khai thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng và công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo các văn bản chỉ đạo của cơ quan cấp trên; đăng tải văn bản trên Cổng thông tin điện tử của Sở; chuyển văn bản trên Hệ thống quản lý văn bản của đơn vị để cán bộ, công chức tiếp nhận, nghiên cứu và tìm hiểu.

#### 1.3.2. Việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng

- Việc công khai, minh bạch trong công tác quản lý, sử dụng tài chính công: đã thực hiện trình tự, thủ tục công khai dự toán, quyết toán ngân sách, phương án phân bổ dự toán chi ngân sách (bao gồm cả điều chỉnh, bổ sung) và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Sở theo quy định.

- Việc công khai, minh bạch trong xây dựng, thực hiện chế độ, định mức, tiêu chuẩn: đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công, thực hiện công khai theo quy định.

- Việc công khai minh bạch trong chuyển đổi vị trí công tác:

+ Đối tượng thuộc vị trí công tác phải chuyển đổi theo Nghị định 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ: năm 2022 là 18 người (02 công chức và 16 viên chức); năm 2023 là 19 người (05 công chức và 14 viên chức);

+ Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác năm 2022, 2023 được công khai, phổ biến và gửi văn bản đến các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc, trong đó: không có công chức phải chuyển đổi, do không có người thay thế đáp ứng tiêu chuẩn, yêu cầu của nhiệm vụ; viên chức thuộc đối tượng chuyển đổi năm 2022 là 04 người, năm 2023 là 02 người; viên chức không thuộc đối tượng chuyển đổi là 12 người do con nhỏ, mắc bệnh nan y đang điều trị, hoặc công tác ở địa bàn riêng biệt, cách xa đơn vị có viên chức thuộc diện chuyển đổi trên 15 km.

+ Kết quả thực hiện: đã chuyển đổi 5/6 viên chức theo kế hoạch; 01 viên chức xin chuyển công tác.

- Việc thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập



+ Sở đã ban hành kế hoạch và tổ chức triển khai, hướng dẫn các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc thực hiện công tác kê khai tài sản, thu nhập: năm 2022 có 137 người; năm 2023 có 129 người.

+ Việc công khai bản kê khai tài sản, thu nhập được niêm yết công khai tại Văn phòng sở và trụ sở của các đơn vị trực thuộc.

- Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng: Sở chưa phát hiện trường hợp vi phạm quy định về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

- Việc chấp hành chế độ thông tin, báo cáo phòng, chống tham nhũng định kỳ: đã thực hiện theo quy định.

## **2. Thanh tra việc chấp hành quy định pháp luật về quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí**

### **2.1. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách Nhà nước**

Kinh phí ngân sách đã sử dụng năm 2022 là 487.579.203.842 đồng; năm 2023 là 544.100.650.912 đồng (chi tiết tại Biểu số 01, 02).

#### **2.1.1. Công tác lập dự toán**

- Sở và các đơn vị trực thuộc xây dựng dự toán cơ bản theo đúng hướng dẫn của Sở Tài chính đối với các nhiệm vụ:

+ Dự toán quỹ lương (tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương): được xây dựng theo bảng lương của số biên chế thực có tại thời điểm lập dự toán. Thực hiện điều chỉnh dự toán tăng, giảm khi có sự biến động tăng, giảm về biên chế.

+ Dự toán chi hoạt động thường xuyên để phục vụ hoạt động bộ máy cơ quan, mang tính thường xuyên phát sinh hằng năm, nâng lương thường xuyên theo định mức tại Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

+ Dự toán chi các khoản đặc thù (kinh phí không tự chủ):

(1). Dự toán tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho 02 hợp đồng lao động theo định mức tại Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

(2). Dự toán các khoản chi đặc thù mang tính chất chung của ngành: các Phòng chuyên môn căn cứ vào nhiệm vụ được giao để xây dựng dự toán, có thuyết minh nhiệm vụ và cơ sở tính toán (định mức, tiêu chuẩn).

(3). Tại các đơn vị sự nghiệp có hồ sơ thuyết minh, cơ sở tính toán đối với các nội dung xây dựng dự toán về: các khoản chi tiền ăn, tiền ở cho học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016; chế độ giáo viên dạy thể dục, quốc phòng; hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021; chế độ cho giáo viên dạy lớp có học sinh khuyết tật hòa nhập theo Nghị định số

28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012; chế độ cho học sinh khuyết tật theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021; kinh phí khoán giảng dạy theo Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh.

(4). Dự toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản tại Văn phòng Sở và các đơn vị: chưa có tài liệu thuyết minh về khối lượng công việc sửa chữa, thời gian bảo dưỡng sửa chữa gần nhất, thời gian thực hiện và thời gian hoàn thành.

#### *2.1.2. Việc tổ chức thực hiện dự toán*

##### ***Việc phân bổ, giao dự toán cho các đơn vị dự toán cấp II***

- Sở đã có quyết định giao dự toán đến từng đơn vị sử dụng ngân sách đúng thời gian, tổng dự toán giao cho các đơn vị bằng dự toán được UBND tỉnh giao, đảm bảo đủ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đã được phê duyệt. Dự toán phân bổ đã thực hiện giảm trừ 40% nguồn cải cách tiền lương khi tăng mức lương cơ sở năm 2023 của 30 đơn vị sự nghiệp.

- Quyết định giao dự toán có gửi Sở Tài chính và Kho bạc tỉnh để thực hiện theo quy định tại Điều 49, Điều 50 Luật Ngân sách nhà nước, Điều 31 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước và Điều 13 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ.

- Kiểm tra việc giao và phân bổ dự toán đối với một số nội dung cụ thể:

+ Quỹ lương: đúng theo bảng lương của số biên chế có mặt, trong năm các đơn vị có biến động tăng, giảm về biên chế (chuyển đi, chuyển đến, nghỉ hưu).

+ Phân bổ, giao dự toán các khoản chi đặc thù cho các đơn vị sự nghiệp liên quan đến chế độ, chính sách chi cho giáo viên, học sinh, học phí đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức quy định.

+ Đối với nội dung dự toán sửa chữa, nâng cấp tài sản công: Phân bổ dự toán năm 2022 cho 31 đơn vị với số tiền là 58.986 triệu đồng, năm 2023 cho 25 đơn vị với số tiền là 52.053 triệu đồng. Tại 11 đơn vị kiểm tra, xác định: dự toán giao chưa có tài liệu thuyết minh cụ thể các nội dung về khối lượng sửa chữa, thời gian sửa chữa gần nhất, dự kiến thời gian thực hiện và thời gian hoàn thành.

##### ***Việc điều chỉnh dự toán và hủy bỏ dự toán***

- Thời gian điều chỉnh dự toán đúng theo quy định theo quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính; điều chỉnh mã nội dung kinh tế so với dự toán lập ban đầu để phù hợp với nội dung nhiệm vụ chi trước thời gian chính lý quyết toán NSNN 31/01 năm sau: năm 2022 số tiền là 1.583.110.886 đồng; năm 2023 số tiền là 222.722.472 đồng.

- Năm 2022, hủy bỏ dự toán là 57.008.820.071 đồng, gồm: 40 nhiệm vụ không thực hiện và 84 nhiệm vụ thực hiện không hết dự toán, trong đó nhiệm vụ “*mua sắm trang thiết bị dạy học tối thiểu lớp 3, lớp 7, lớp 10*” không thực hiện nên không đảm bảo lộ trình, không đáp ứng được việc đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Theo trình bày của Sở do nhiều danh mục sản phẩm mới chưa phổ biến, chưa có sẵn trên thị trường, việc thu thập dữ liệu để so sánh giá thẩm định hạn chế, chưa có cơ sở để tổ chức đấu thầu.

- Năm 2023, hủy bỏ dự toán là 17.424.975.868 đồng, gồm: 37 nhiệm vụ không thực hiện và 79 nhiệm vụ thực hiện không hết dự toán.

***Việc rút dự toán, quyết toán kinh phí tại Văn phòng Sở và 11 đơn vị sự nghiệp:***

- Đối với các khoản chi thanh toán cá nhân (lương, phụ cấp lương, trợ cấp xã hội...): đảm bảo thanh toán chi trả từng tháng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo dự toán giao.

- Đối với các khoản đóng góp (Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Kinh phí công đoàn): trích nộp kịp thời cho cơ quan Bảo hiểm xã hội, Công đoàn theo quy định.

- Kiểm tra 08 hồ sơ thanh toán việc bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công:

(1) Công trình Sửa chữa Sân trường, sân khấu, hàng rào công phụ, nhà xe trường THPT Đồng Hỷ:

+ Chủ đầu tư: Trường THPT Đồng Hỷ.

+ Đơn vị tư vấn quản lý dự án: Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Tân Việt.

+ Đơn vị tư vấn lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Công ty TNHH Tư vấn kiến trúc xây dựng An Bình.

+ Đơn vị tư vấn giám sát: Công ty TNHH Tư vấn kiến trúc xây dựng An Bình.

+ Đơn vị thi công xây dựng: Công ty TNHH Sơn Hồng Hải.

Qua kiểm tra thấy: Một số công việc được dự toán với khối lượng nhiều hơn thiết kế: trát, ốp đá granit vào tường hạng mục bồn cây; lát nền sân khấu; đào móng, bê tông lót móng hạng mục bồn hoa; lát đá bậc tam cấp. Khi triển khai xây dựng, Công ty TNHH Sơn Hồng Hải thực hiện thi công các công việc này theo đúng thiết kế, song được nghiệm thu, thanh toán bằng khối lượng dự toán, dẫn đến chênh lệch tăng số tiền là 8.568.863 đồng.

(2) Công trình Sửa chữa nhà lớp học 9 phòng, tường rào sau nhà hiệu bộ; sửa phòng học (nhà lớp học 12 phòng) thành phòng bộ môn ngoại ngữ Trường THPT Dương Tự Minh:

+ Chủ đầu tư: Trường THPT Dương Tự Minh.

+ Đơn vị tư vấn quản lý dự án: Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế xây dựng Thái Nguyên.

+ Đơn vị tư vấn lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Công ty Cổ phần Kiến trúc xây dựng VN ASEAN.

+ Đơn vị tư vấn giám sát thi công xây dựng: Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế xây dựng Thái Nguyên.

+ Đơn vị thi công xây dựng: Công ty TNHH Xây dựng Giang Ngọc Anh.

Qua kiểm tra thấy: Một số công việc được dự toán với khối lượng nhiều hơn thiết kế: phá lớp vữa trát, trát tường, sơn tường ngoài nhà tường trục C'; bóng đèn led gắn trần 12w; dây điện ruột đồng 2 lõi cách điện  $2 \times 1.5 \text{ mm}^2$ ; dây điện ruột đồng 2 lõi cách điện  $2 \times 2.5 \text{ mm}^2$ ; máng nhựa luồn dây PVC  $24 \times 14$ . Khi triển khai xây dựng, Công ty TNHH Xây dựng Giang Ngọc Anh thực hiện thi công các công việc này theo đúng thiết kế, song được nghiệm thu, thanh toán bằng khối lượng dự toán, dẫn đến chênh lệch tăng tổng số tiền là 52.956.127 đồng.

(3) Công trình Sửa chữa Nhà lớp học 3 tầng 15 phòng trường THPT Hoàng Quốc Việt:

+ Chủ đầu tư: Trường THPT Hoàng Quốc Việt.

+ Đơn vị tư vấn quản lý dự án: Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng Kim Quy.

+ Đơn vị tư vấn lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Công ty Cổ phần Tư vấn và đầu tư xây dựng Thái Nguyên.

+ Đơn vị tư vấn giám sát: Công ty Cổ phần Tư vấn và đầu tư xây dựng Thái Nguyên.

+ Đơn vị thi công xây dựng: Công ty cổ phần TCICO LAND.

Qua kiểm tra thấy: Một số công việc được dự toán với khối lượng nhiều hơn thiết kế: Cạo bỏ lớp sơn cũ trên bề mặt xà gồ, phá dỡ nền xi măng sê nô mái, láng nền san có đánh màu, dày 3cm. Khi triển khai xây dựng, Công ty cổ phần TCICO LAND thực hiện thi công các công việc này theo đúng thiết kế, song được nghiệm thu, thanh toán bằng khối lượng dự toán, dẫn đến chênh lệch tăng tổng số tiền là 9.112.641 đồng.

(4) Công trình Sửa chữa Nhà hiệu bộ, nhà lớp học, nhà đa năng trường THPT Lương Phú:

+ Chủ đầu tư: Trường THPT Lương Phú.

+ Đơn vị tư vấn quản lý dự án: Công ty TNHH Xây dựng và thương mại Hùng Minh Sơn.

+ Đơn vị tư vấn lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và thiết kế Việt.



- + Đơn vị tư vấn giám sát: Công ty Cổ phần Tư vấn và xây dựng Bách Tùng.
- + Đơn vị thi công xây dựng: Công ty Cổ phần Xây dựng và thương mại Hùng Cường.

Qua kiểm tra thấy: Một số công việc được dự toán với khối lượng nhiều hơn thiết kế: Tháo dỡ mái tôn bằng thủ công, lợp mái tôn dày 0,4mm. Khi triển khai xây dựng, Công ty Cổ phần Xây dựng và thương mại Hùng Cường thực hiện thi công các công việc này theo đúng thiết kế, song được nghiệm thu, thanh toán bằng khối lượng dự toán, dẫn đến chênh lệch tăng số tiền là 11.536.731 đồng.

(5) Công trình Sửa chữa Nhà hiệu bộ trường THPT Ngô Quyền:

- + Chủ đầu tư: Trường THPT Ngô Quyền.
- + Đơn vị tư vấn quản lý dự án: Công ty Cổ phần TCICOLAND.
- + Đơn vị tư vấn lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Công ty Cổ phần TCICOLAND.
- + Đơn vị tư vấn giám sát: Công ty Cổ phần Tư vấn và đầu tư Xây dựng Thái Nguyên.
- + Đơn vị thi công xây dựng: Công ty TNHH Xây dựng và thương mại Tân Cường.

Qua kiểm tra thấy: Một số công việc được dự toán với khối lượng nhiều hơn thiết kế: Tháo dỡ mái tôn bằng thủ công, lợp mái tôn múi. Khi triển khai xây dựng, Công ty TNHH Xây dựng và thương mại Tân Cường thực hiện thi công các công việc này theo đúng thiết kế, song được nghiệm thu, thanh toán bằng khối lượng dự toán, dẫn đến chênh lệch tăng số tiền là 14.924.737 đồng.

(6) Công trình Sửa chữa Nhà lớp học 3 tầng 15 phòng, sửa hệ thống PCCC THPT Phổ Yên:

- + Chủ đầu tư: Trường THPT Phổ Yên.
- + Đơn vị tư vấn quản lý dự án: Công ty Cổ phần Tư vấn kiến trúc TAC.
- + Đơn vị tư vấn lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Công ty TNHH GLOBAL - ME.
- + Đơn vị tư vấn giám sát: Công ty Cổ phần Tư vấn kiến trúc TAC.
- + Đơn vị thi công xây dựng: Công ty Cổ phần Xây dựng và thương mại Quang Đức.

Qua kiểm tra thấy: Một số công việc được dự toán với khối lượng nhiều hơn thiết kế: Dây nguồn CU/PVC 2x1,5, ống nhựa chống cháy tại nhà B, nhà đa năng, nhà hiệu bộ. Khi triển khai xây dựng, Công ty Cổ phần Xây dựng và thương mại Quang Đức thực hiện thi công các công việc này theo đúng thiết kế, song được nghiệm thu, thanh toán bằng khối lượng dự toán, dẫn đến chênh lệch tăng số tiền là 9.698.871 đồng.

(7) Công trình Sửa chữa Nhà để xe, tầng hầm nhà hiệu bộ, tầng hầm nhà thư viện, cổng, tường rào, sân đường nội bộ trường THPT Phú Lương:

- + Chủ đầu tư: Trường THPT Phú Lương.
- + Đơn vị tư vấn quản lý dự án: Công ty Cổ phần TCICO LAND.
- + Đơn vị tư vấn lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Công ty Cổ phần Tư vấn và đầu tư xây dựng Thái Nguyên.
- + Đơn vị tư vấn giám sát thi công xây dựng: Công ty Cổ phần Tư vấn và đầu tư xây dựng Thái Nguyên.
- + Đơn vị thi công xây dựng: Công ty Cổ phần xây dựng số 1 Thái Nguyên.

Qua kiểm tra thấy: Một số công việc được dự toán với khối lượng nhiều hơn thiết kế: Sản xuất cửa đi, dây điện  $2 \times 1,5 \text{ mm}^2$  tầng hầm nhà thư viện; Sơn dầm, trần, tường nhà hiệu bộ; đắp cát nền, dây điện  $2 \times 1,5 \text{ mm}^2$  nhà để xe học sinh; bê tông lót, lát vỉa hè sân đường nội bộ. Khi triển khai xây dựng, Công ty Cổ phần xây dựng số 1 Thái Nguyên thực hiện thi công các công việc này theo đúng thiết kế, song được nghiệm thu, thanh toán bằng khối lượng dự toán, dẫn đến chênh lệch tăng số tiền là 9.392.843 đồng.

(8) Công trình Sửa chữa Nhà lớp học 3 tầng, đường dốc lên trường, nhà thường trực trường THPT Võ Nhai:

- + Chủ đầu tư: Trường THPT Võ Nhai.
- + Đơn vị tư vấn quản lý dự án: Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Kim Quy.
- + Đơn vị tư vấn lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Công ty TNHH Tư vấn kiến trúc xây dựng An Bình.
- + Đơn vị tư vấn giám sát: Công ty TNHH Tư vấn kiến trúc xây dựng An Bình.
- + Đơn vị thi công xây dựng: Công ty TNHH Hùng Ngọc.

Qua kiểm tra thấy: Một số công việc được dự toán với khối lượng nhiều hơn thiết kế: Sản xuất cửa sổ nhôm hệ nhà thường trực; trát tường, sơn tường bồn cây; dây dẫn điện  $2 \times 1,5 \text{ mm}^2$ , dây dẫn điện  $2 \times 2,5 \text{ mm}^2$ , ống ruột gà. Khi triển khai xây dựng, Công ty TNHH Hùng Ngọc thực hiện thi công các công việc này theo đúng thiết kế, song được nghiệm thu, thanh toán bằng khối lượng dự toán, dẫn đến chênh lệch tăng số tiền là 7.354.387 đồng.

*Tổng giá trị đã thanh toán vượt giá trị thực tế của 08 công trình này là 123.545.200 đồng.*

*2.1.4. Việc chuyển nguồn kinh phí để hạch toán, quyết toán vào ngân sách năm sau*

- Kinh phí chuyển nguồn sang năm sau để thực hiện, hạch toán quyết toán vào ngân sách năm sau tại các Thông báo của Sở Tài chính: số 975/STC-QLNS ngày 30/3/2022, số 1067/STC-QLNS ngày 05/4/2023, gồm:



+ Năm 2021 sang năm 2022 là 28.933.216.600 đồng (*Văn phòng sở là 21.043.928.600 đồng; 12 trường THPT là 7.889.288.000 đồng*).

+ Năm 2022 sang năm 2023 là 18.903.976.200 đồng (*Văn phòng sở*).

- Hồ sơ chuyển nguồn: đúng quy định tại Điều 64 Luật Ngân sách.

## **2.2. Việc quản lý, sử dụng nguồn thu học phí, thu sự nghiệp**

Đoàn thanh tra kiểm tra hồ sơ của 11/32 đơn vị, xác định:

### **2.2.1. Dự toán thu - chi từ nguồn thu hoạt động của các đơn vị sự nghiệp**

- Nguồn học phí: dự toán trích 40% làm nguồn cải cách tiền lương; 60% bổ sung chi hoạt động thường xuyên, có dự toán chi tiết các khoản chi báo cáo Sở.

- Nguồn thu sự nghiệp khác (học thêm, trông xe đạp hoặc cho thuê tài sản công): có dự toán chi tiết các khoản chi báo cáo Sở.

### **2.2.2. Tổ chức thực hiện:**

- Tổng thu, chi của 11 trường như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
<b>I</b>	<b>Tổng thu</b>	<b>25.431.074.847</b>	<b>46.606.540.980</b>
1	Thu học phí	14.503.086.700	27.393.267.500
2	Thu dịch vụ khác	10.927.988.147	19.213.273.480
<b>II</b>	<b>Tổng chi</b>	<b>25.304.596.237</b>	<b>46.236.439.358</b>
1	Nộp NSNN (thuế)	375.324.173	561.826.390
2	Trích 40% CCTL	6.180.096.920	11.122.610.020
3	Chi hoạt động	18.498.991.574	34.284.938.418
4	Trích lập các quỹ	250.183.560	267.064.530
<b>III</b>	<b>Tồn cuối kỳ</b>	<b>126.478.610</b>	<b>496.580.232</b>

- Các đơn vị được kiểm tra thực hiện hạch toán nguồn thu học phí, nguồn thu dịch vụ đầy đủ. Thực hiện trích nộp ngân sách nhà nước, trích 40% nguồn thu học phí và chênh lệch thu - chi nguồn thu dịch vụ làm nguồn cải cách tiền lương. Các khoản thu, chi được theo dõi hạch toán trên tài khoản tiền gửi tại Kho bạc, được Sở phê duyệt, tổng hợp vào Báo cáo tài chính hàng năm.

## **3. Việc thực hiện các quy định về kế toán và ban hành các Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công**

**3.1.** Sở và 11 Trường THPT được kiểm tra đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị theo quy định tại Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ quy

định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan Nhà nước; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

**3.2.** Các đơn vị thực hiện việc lập chứng từ, mở sổ sách kế toán, lập Báo cáo tài chính theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp. Song, còn tồn tại: chưa ghi tăng nguyên giá tài sản cố định, vẫn theo dõi xây dựng cơ bản dở dang của 14 công trình xây dựng đã được phê duyệt quyết toán từ năm 2023 trở về trước, tổng số tiền là 93.838.070.193 đồng. Ngày 31/12/2024, đã kết chuyển ghi tăng nguyên giá tài sản cố định, trong đó có 12/14 công trình tổng giá trị quyết toán là 36.617.952.000 đồng (02 dự án phê duyệt quyết toán năm 2020; 10 dự án phê duyệt quyết toán năm 2023) kế toán không mở sổ theo dõi nợ phải trả cho các nhà thầu số tiền là 4.183.600.000 đồng (chi tiết tại Biểu số 03).

### **III. KẾT LUẬN**

#### **1. Những kết quả đạt được**

**1.1. Về thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo và phòng chống tham nhũng**

- Công tác thanh tra: Giám đốc Sở đã ban hành Kế hoạch thanh tra hàng năm theo định hướng của cơ quan Thanh tra cấp trên, yêu cầu thực tiễn trong việc thực hiện nhiệm vụ của ngành; qua thanh tra đã phát hiện, kịp thời chấn chỉnh tồn tại, hạn chế của các Nhà trường trong công tác chuyên môn và quản lý tài chính.

- Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo và giải quyết các kiến nghị, phản ánh: Sở đã ban hành các văn bản chỉ đạo công tác tiếp công dân; giải quyết nhiều kiến nghị, phản ánh, kịp thời chấn chỉnh, kiểm điểm và có hình thức xem xét kỷ luật đối với các viên chức vi phạm quy chế chuyên môn.

- Công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật và thực hiện pháp luật về phòng chống tham nhũng được thực hiện thường xuyên; công khai đầy đủ công tác tài chính, tài sản, tổ chức cán bộ; minh bạch tài sản thu nhập; chấp hành chế độ thông tin, báo cáo về công tác phòng chống tham nhũng theo quy định.

**1.2. Về công tác quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí**

- Xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý sử dụng tài sản công để thực hiện tại đơn vị theo quy định.

- Thực hiện việc lập chứng từ, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn thu hoạt động sự nghiệp đúng quy định.

- Các khoản chi về chế độ, chính sách liên quan đến cán bộ, công chức, giáo viên, người lao động, học sinh được thực hiện đúng, đủ theo chính sách, chế độ và dự toán giao.

- Thực hiện chấp hành Luật Ngân sách, Luật Đấu thầu và các văn bản có liên quan cơ bản đúng quy định.



## 2. Tồn tại, hạn chế và trách nhiệm

2.1. Việc ban hành Kế hoạch thanh tra: chưa thể hiện rõ thời kỳ thanh tra.

### 2.2. Về công tác quản lý, sử dụng nguồn Ngân sách Nhà nước

#### 2.2.1. Công tác lập, giao dự toán:

- Đối với kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công:

+ Hồ sơ, tài liệu kèm theo để lập và giao dự toán chưa thuyết minh đầy đủ nội dung theo quy định tại Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính như: khối lượng công việc sửa chữa; thời gian bảo dưỡng sửa chữa gần nhất; thời gian thực hiện và thời gian hoàn thành.

+ Chưa rà soát việc quản lý sử dụng nguồn kinh phí đối với 12 công trình từ thời điểm phê duyệt dự toán (07 công trình năm 2016, 02 công trình năm 2018, 03 công trình năm 2019 năm 2020) cho đến khi quyết toán (02 công trình năm 2020 và 10 công trình năm 2023) theo quy định tại Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính để bố trí đủ dự toán.

- Không rà soát các chính sách, nhiệm vụ được phê duyệt, sắp xếp thứ tự ưu tiên các khoản chi theo mức độ cấp thiết để đảm bảo yêu cầu thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu xây dựng dự toán, dẫn đến khi tổ chức thực hiện dự toán phải hủy nhiều nhiệm vụ chi. Việc hủy bỏ dự toán với nhiệm vụ “*mua sắm trang thiết bị dạy học tối thiểu lớp 3, lớp 7, lớp 10*” không đảm bảo lộ trình, không đáp ứng được việc đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

*Trách nhiệm thuộc về:* Phòng Kế hoạch - Tài chính.

#### 2.2.2. Việc rút dự toán, quyết toán kinh phí

Tại các công trình được kiểm tra, đơn vị tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật dự toán khối lượng một số hạng mục công việc không chính xác; đơn vị thi công và tư vấn giám sát thực hiện nghiệm thu khối lượng không đúng thực tế thi công. Đơn vị tư vấn quản lý dự án chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm đối với phạm vi công việc trong Hợp đồng đã ký, chưa tư vấn, giúp Chủ đầu tư trong việc đảm bảo tính chính xác, đầy đủ khối lượng nghiệm thu, dẫn đến thanh toán chênh lệch tăng số tiền là 123.545.200 đồng.

*Trách nhiệm thuộc về:* Đơn vị tư vấn thiết kế lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật trong việc dự toán chưa đúng khối lượng một số hạng mục công việc; các đơn vị tư vấn quản lý dự án, tư vấn giám sát thi công xây dựng và nhà thầu thi công trong việc nghiệm thu không đúng khối lượng thực tế thi công.

2.3. Về công tác hạch toán, kế toán: việc theo dõi giá trị tài sản và nợ phải trả không đảm bảo yêu cầu đối với công tác kế toán, cụ thể: phản ánh đầy đủ, liên tục từ khi phát sinh đến khi kết thúc hoạt động kinh tế, tài chính vào sổ kế toán, báo cáo

tài chính; phản ánh trung thực, khách quan hiện trạng, bản chất sự việc, nội dung và giá trị của nghiệp vụ kinh tế, tài chính.

*Trách nhiệm thuộc về:* Kế toán Văn phòng sở.

#### **IV. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ**

Trên cơ sở kết quả thanh tra, Chánh Thanh tra tỉnh đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo một số nội dung sau:

1. Tăng cường công tác phổ biến, quán triệt pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

2. Chỉ đạo công tác xây dựng, phân bổ và thực hiện dự toán chi theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, tiết kiệm ngay từ khâu xây dựng dự toán, quản lý chặt chẽ các khoản chi theo đúng chế độ, chính sách.

3. Rà soát các khoản nợ phải trả, báo cáo UBND tỉnh, trình Sở Tài chính thẩm định, bố trí đủ dự toán đối với các nội dung đã được phê duyệt quyết toán.

4. Thực hiện thu hồi số tiền 123.545.200 đồng, nộp vào tài khoản tạm giữ chờ xử lý của Thanh tra tỉnh Thái Nguyên, số tài khoản: 3949.0.1017934 00000 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Thái Nguyên.

5. Tổ chức kiểm điểm các tập thể, cá nhân liên quan đến những tồn tại, hạn chế được nêu trong Kết luận thanh tra.

Trên đây là Kết luận thanh tra tại Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên./

#### **Nơi nhận:**

- Thanh tra Chính phủ (báo cáo);
- Ủy ban nhân dân tỉnh (báo cáo);
- Ban Nội chính Tỉnh ủy (báo cáo);
- Ủy Ban Kiểm tra Tỉnh ủy (báo cáo);
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Chánh Thanh tra tỉnh;
- Phòng Nghiệp vụ 5;
- Lưu: VT, NV2, HSTT.

**KT. CHÁNH THANH TRA  
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



**Cao Minh Luận**



Biểu số 01



**VIỆC THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÀNH GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO NĂM 2022**

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 01 /KL-TTR ngày 24 tháng 01 năm 2025

ĐVT: Đồng

TT	Đơn vị	Năm trước chuyển nguồn sang	Dự toán được giao			Số Quyết toán (rút KB) trong năm			Hủy dự toán			Chuyển nguồn
			Cộng	Thường xuyên	Không TX	Cộng	Thường xuyên	Không TX	Cộng	Thường xuyên	Không TX	
I	Văn phòng Sở Giáo dục - ĐT	21.043.928.600	111.623.909.000	7.887.000.000	103.736.909.000	62.470.095.917	7.887.000.000	54.583.095.917	51.293.765.483	0	51.293.765.483	18.903.976.200
II	Các đơn vị trực thuộc	9.402.373.000	421.421.789.513	301.842.504.000	119.579.285.513	425.109.107.925	301.727.146.701	123.381.961.224	5.715.054.588	115.357.299	5.599.697.289	0
1	Trường THPT Chu Văn An		12.803.130.000	8.756.966.000	4.046.164.000	12.745.221.517	8.756.966.000	3.988.255.517	57.908.483	0	57.908.483	
2	Trường THPT Dương Tự Minh	536.660.000	10.800.590.000	8.118.000.000	2.682.590.000	11.182.305.330	8.118.000.000	3.064.305.330	154.944.670	0	154.944.670	
3	Trường THPT LNQ		20.167.424.420	16.516.000.000	3.651.424.420	20.077.274.020	16.516.000.000	3.561.274.020	90.150.400	0	90.150.400	
4	Trường THPT Ngô Quyền	800.037.000	17.234.665.937	11.657.000.000	5.577.665.937	18.005.035.361	11.657.000.000	6.348.035.361	29.667.576	0	29.667.576	
5	Trường THPT Gang Thép		13.159.907.802	11.413.000.000	1.746.907.802	13.083.349.056	11.413.000.000	1.670.349.056	76.558.746	0	76.558.746	
6	Trường THPT Sông Công	540.148.000	12.116.390.000	10.912.000.000	1.204.390.000	12.496.918.862	10.912.000.000	1.584.918.862	159.619.138	0	159.619.138	
7	Trường THPT Lê Hồng Phong	972.526.500	16.163.730.731	13.289.000.000	2.874.730.731	16.899.913.028	13.289.000.000	3.610.913.028	236.344.203	0	236.344.203	
8	Trường THPT Phố Yên		11.089.090.000	8.221.000.000	2.868.090.000	11.051.125.914	8.221.000.000	2.830.125.914	37.964.086	0	37.964.086	
9	Trường THPT Bắc Sơn		10.957.000.000	7.359.000.000	3.598.000.000	10.541.777.428	7.358.000.000	3.183.777.428	415.222.572	1.000.000	414.222.572	
10	Trường THPT Phú Bình	669.600.000	13.539.660.000	11.012.000.000	2.527.660.000	14.111.869.518	11.012.000.000	3.099.869.518	97.390.482	0	97.390.482	
11	Trường THPT Lương Phú	383.520.000	10.722.000.000	8.593.000.000	2.129.000.000	10.955.990.386	8.593.000.000	2.362.990.386	149.529.614	0	149.529.614	
12	Trường THPT Diêm Thủy	603.580.000	12.454.000.000	10.373.966.000	2.080.034.000	12.979.959.985	10.373.966.000	2.605.993.985	77.620.015	0	77.620.015	
13	Trường THPT Đông Hy		19.341.928.408	14.724.000.000	4.617.928.408	18.986.252.978	14.724.000.000	4.262.252.978	355.675.430	0	355.675.430	
14	Trường THPT Trại Cau		8.307.000.000	6.132.000.000	2.175.000.000	8.227.919.740	6.132.000.000	2.095.919.740	79.080.260	0	79.080.260	



TT	Đơn vị	Năm trước chuyển nguồn sang	Dự toán được giao			Số Quyết toán (rút KB) trong năm			Hủy dự toán			Chuyển nguồn
			Cộng	Thường xuyên	Không TX	Cộng	Thường xuyên	Không TX	Cộng	Thường xuyên	Không TX	
15	Trường THPT Trần Quốc Tuấn		<b>8.431.040.000</b>	6.006.040.000	2.425.000.000	<b>8.205.016.500</b>	6.006.040.000	2.198.976.500	<b>226.023.500</b>	0	226.023.500	
16	Trường THPT Trần Phú		<b>10.122.000.000</b>	5.893.000.000	4.229.000.000	<b>10.108.277.400</b>	5.893.000.000	4.215.277.400	<b>13.722.600</b>	0	13.722.600	
17	Trường THPT Võ Nhại	562.450.000	<b>9.939.000.000</b>	6.840.000.000	3.099.000.000	<b>10.380.705.302</b>	6.840.000.000	3.540.705.302	<b>120.744.698</b>	0	120.744.698	
18	Trường THPT Hoàng Quốc Việt	421.164.000	<b>11.366.000.000</b>	5.647.000.000	5.719.000.000	<b>11.558.807.158</b>	5.647.000.000	5.911.807.158	<b>228.356.842</b>	0	228.356.842	
19	Trường THPT Khánh Hoà		<b>13.157.000.000</b>	10.257.000.000	2.900.000.000	<b>13.077.411.473</b>	10.257.000.000	2.820.411.473	<b>79.588.527</b>	0	79.588.527	
20	Trường THPT Phú Lương		<b>18.502.169.241</b>	14.265.000.000	4.237.169.241	<b>18.124.907.519</b>	14.265.000.000	3.859.907.519	<b>377.261.722</b>	0	377.261.722	
21	Trường THPT Yên Ninh		<b>7.375.022.000</b>	4.725.742.000	2.649.280.000	<b>7.243.367.176</b>	4.725.742.000	2.517.625.176	<b>131.654.824</b>	0	131.654.824	
22	Trường THPT Đại Từ		<b>16.879.000.000</b>	13.365.000.000	3.514.000.000	<b>16.752.819.690</b>	13.365.000.000	3.387.819.690	<b>126.180.310</b>	0	126.180.310	
23	Trường THPT Nguyễn Huệ		<b>15.577.000.000</b>	11.376.000.000	4.201.000.000	<b>15.460.842.000</b>	11.376.000.000	4.084.842.000	<b>116.158.000</b>	0	116.158.000	
24	Trường THPT Lưu Nhân Chú		<b>10.839.168.305</b>	8.188.000.000	2.651.168.305	<b>10.811.849.144</b>	8.188.000.000	2.623.849.144	<b>27.319.161</b>	0	27.319.161	
25	Trường THPT Định Hoà	622.116.000	<b>18.292.184.660</b>	12.414.790.000	5.877.394.660	<b>18.770.204.281</b>	12.414.790.000	6.355.414.281	<b>144.096.379</b>	0	144.096.379	
26	TTGD thường xuyên tỉnh	879.505.000	<b>9.063.680.417</b>	5.855.000.000	3.208.680.417	<b>9.551.225.185</b>	5.855.000.000	3.696.225.185	<b>391.960.232</b>	0	391.960.232	
27	Trường THPT Chuyên		<b>31.165.909.592</b>	21.916.000.000	9.249.909.592	<b>30.562.763.546</b>	21.916.000.000	8.646.763.546	<b>603.146.046</b>	0	603.146.046	
28	Trường PIDTNT TN		<b>23.197.550.000</b>	9.589.000.000	13.608.550.000	<b>23.082.270.266</b>	9.589.000.000	13.493.270.266	<b>115.279.734</b>	0	115.279.734	
29	Trường THPT Bình Yên	908.800.500	<b>10.805.090.000</b>	6.777.000.000	4.028.090.000	<b>11.518.554.966</b>	6.777.000.000	4.741.554.966	<b>195.335.534</b>	0	195.335.534	
30	Trường GD và HTTE bị TT	633.580.000	<b>11.171.000.000</b>	6.340.000.000	4.831.000.000	<b>11.441.902.483</b>	6.340.000.000	5.101.902.483	<b>362.677.517</b>	0	362.677.517	
31	THPT Lý Nam Đế	868.686.000	<b>6.682.458.000</b>	5.311.000.000	1.371.458.000	<b>7.113.270.713</b>	5.196.642.701	1.916.628.012	<b>437.873.287</b>	114.357.299	323.515.988	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>30.446.301.600</b>	<b>533.045.698.513</b>	<b>309.729.504.000</b>	<b>223.316.194.513</b>	<b>487.579.203.842</b>	<b>309.614.146.701</b>	<b>177.965.057.141</b>	<b>57.008.820.071</b>	<b>115.357.299</b>	<b>56.893.462.772</b>	<b>18.903.976.200</b>



**VIỆC THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÀNH GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO NĂM 2023**

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 01/KL-TTR ngày 24 tháng 01 năm 2025)

DVT: Đồng

TT	Đơn vị	Năm trước chuyển nguồn sang	Dự toán được giao			Số Quyết toán (rút KB) trong năm			Hủy dự toán		
			Cộng	Thường xuyên	Không TX	Cộng	Thường xuyên	Không TX	Cộng	Thường xuyên	Không TX
I	Văn phòng SGD	18.903.976.200	54.402.000.000	8.818.000.000	45.584.000.000	64.595.975.979	8.818.000.000	55.777.975.979	8.710.000.221	0	8.710.000.221
II	Đơn vị trực thuộc		488.219.650.580	292.935.000.000	195.284.650.580	479.504.674.933	292.924.499.569	186.580.175.364	8.714.975.647	10.500.431	8.704.475.216
1	Trường THPT Chu Văn An		13.801.281.465	7.937.000.000	5.864.281.465	13.743.151.039	7.937.000.000	5.806.151.039	58.130.426	0	58.130.426
2	Trường THPT Dương Tự Minh		12.616.812.000	7.517.000.000	5.099.812.000	12.504.858.937	7.517.000.000	4.987.858.937	111.953.063	0	111.953.063
3	Trường THPT Lương Ngọc Quyến		22.507.879.948	14.843.000.000	7.664.879.948	22.359.900.896	14.843.000.000	7.516.900.896	147.979.052	0	147.979.052
4	Trường THPT Ngô Quyền		17.790.245.000	10.794.000.000	6.996.245.000	17.663.986.771	10.794.000.000	6.869.986.771	126.258.229	0	126.258.229
5	Trường THPT Gang Thép		19.417.950.000	10.436.000.000	8.981.950.000	19.210.507.165	10.436.000.000	8.774.507.165	207.442.835	0	207.442.835
6	Trường THPT Sông Công		16.784.905.000	9.836.000.000	6.948.905.000	16.453.380.780	9.836.000.000	6.617.380.780	331.524.220	0	331.524.220
7	Trường THPT Lê Hồng Phong		21.471.200.000	11.429.000.000	10.042.200.000	20.964.110.687	11.429.000.000	9.535.110.687	507.089.313	0	507.089.313
8	Trường THPT Phổ Yên		13.986.465.000	7.540.000.000	6.446.465.000	13.894.708.261	7.540.000.000	6.354.708.261	91.756.739	0	91.756.739
9	Trường THPT Bắc Sơn		13.376.984.076	6.551.000.000	6.825.984.076	12.878.372.430	6.551.000.000	6.327.372.430	498.611.646	0	498.611.646
10	Trường THPT Phú Bình		17.026.473.167	10.226.000.000	6.800.473.167	16.913.179.925	10.226.000.000	6.687.179.925	113.293.242	0	113.293.242
11	Trường THPT Lương Phú		11.677.060.000	8.188.000.000	3.489.060.000	11.588.453.747	8.188.000.000	3.400.453.747	88.606.253	0	88.606.253
12	Trường THPT Diềm Thuy		12.976.905.000	9.677.000.000	3.299.905.000	12.834.269.320	9.677.000.000	3.157.269.320	142.635.680	0	142.635.680
13	Trường THPT Đồng Hỷ		23.072.123.000	13.517.000.000	9.555.123.000	22.886.146.655	13.517.000.000	9.369.146.655	185.976.345	0	185.976.345
14	Trường THPT Trại Cau		8.764.592.982	6.617.000.000	2.147.592.982	8.587.286.547	6.617.000.000	1.970.286.547	177.306.435	0	177.306.435
15	Trường THPT Trần Quốc Tuấn		8.421.943.000	6.578.000.000	1.843.943.000	8.270.210.670	6.578.000.000	1.692.210.670	151.732.330	0	151.732.330



TT	Đơn vị	Năm trước chuyển nguồn sang	Dự toán được giao			Số Quyết toán (rút KB) trong năm			Hủy dự toán		
			Cộng	Thường xuyên	Không TX	Cộng	Thường xuyên	Không TX	Cộng	Thường xuyên	Không TX
16	Trường THPT Trần Phú		11.844.000.000	6.176.000.000	5.668.000.000	11.697.639.645	6.176.000.000	5.521.639.645	146.360.355	0	146.360.355
17	Trường THPT Võ Nhai		10.300.900.000	7.028.000.000	3.272.900.000	10.182.546.622	7.028.000.000	3.154.546.622	118.353.378	0	118.353.378
18	Trường THPT Hoàng Quốc Việt		10.772.845.000	5.910.000.000	4.862.845.000	10.550.630.665	5.910.000.000	4.640.630.665	222.214.335	0	222.214.335
19	Trường THPT Khánh Hoà		15.272.701.444	11.212.000.000	4.060.701.444	15.164.670.195	11.212.000.000	3.952.670.195	108.031.249	0	108.031.249
20	Trường THPT Phú Lương		22.232.555.500	13.151.000.000	9.081.555.500	21.589.294.799	13.151.000.000	8.438.294.799	643.260.701	0	643.260.701
21	Trường THPT Yên Ninh		7.898.325.000	4.898.000.000	3.000.325.000	7.619.113.589	4.887.499.569	2.731.614.020	279.211.411	10.500.431	268.710.980
22	Trường THPT Đại Từ		20.372.765.257	12.860.000.000	7.512.765.257	20.203.490.080	12.860.000.000	7.343.490.080	169.275.177	0	169.275.177
23	Trường THPT Nguyễn Huệ		16.995.639.415	11.714.000.000	5.281.639.415	16.898.387.838	11.714.000.000	5.184.387.838	97.251.577	0	97.251.577
24	Trường THPT Lưu Nhân Chú		13.197.850.697	7.758.000.000	5.439.850.697	12.952.450.350	7.758.000.000	5.194.450.350	245.400.347	0	245.400.347
25	Trường THPT Định Hoà		17.925.000.000	11.602.000.000	6.323.000.000	16.842.242.851	11.602.000.000	5.240.242.851	1.082.757.149	0	1.082.757.149
26	Trường THPT Đội Cấn		2.254.000.000	1.755.000.000	499.000.000	2.125.964.861	1.755.000.000	370.964.861	128.035.139	0	128.035.139
27	Trường THPT Chuyên		35.186.938.970	19.972.000.000	15.214.938.970	34.613.757.061	19.972.000.000	14.641.757.061	573.181.909	0	573.181.909
28	Trường PTDTNT TN		25.724.000.000	10.940.000.000	14.784.000.000	25.212.986.467	10.940.000.000	14.272.986.467	511.013.533	0	511.013.533
29	Trường THPT Bình Yên		13.008.384.489	7.042.000.000	5.966.384.489	12.716.970.437	7.042.000.000	5.674.970.437	291.414.052	0	291.414.052
30	TT Hỗ trợ PTGDHN trẻ khuyết tật		13.048.376.110	7.193.000.000	5.855.376.110	12.887.520.908	7.193.000.000	5.694.520.908	160.855.202	0	160.855.202
31	THPT Lý Nam Đế		8.071.900.000	4.478.000.000	3.593.900.000	7.802.294.211	4.478.000.000	3.324.294.211	269.605.789	0	269.605.789
32	THPT Tức Tranh		2.303.000.000	1.731.000.000	572.000.000	2.198.302.004	1.731.000.000	467.302.004	104.697.996	0	104.697.996
33	TTGD thường xuyên tỉnh		8.117.649.060	5.829.000.000	2.288.649.060	7.493.888.520	5.829.000.000	1.664.888.520	623.760.540	0	623.760.540
	<b>Tổng cộng</b>	18.903.976.200	542.621.650.580	301.753.000.000	240.868.650.580	544.100.650.912	301.742.499.569	242.358.151.343	17.424.975.868	10.500.431	17.414.475.437



## BIỂU TỔNG HỢP CÁC CÔNG TRÌNH CÒN NỢ ĐẾN 31/12/2024

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 01/KL-TTR ngày 24/01/2025 của Chánh Thanh tra tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Tên dự án	Giá trị tổng dự toán công trình (cả điều chỉnh, bổ sung)	Quyết định phê duyệt Quyết toán			Giá trị đã thanh toán	Tổng nợ đến 31/12/2023	Thanh toán trong năm 2024	Nợ còn lại đến 31/12/2024			Nguồn vốn
			Số	Ngày tháng	Giá trị				Tổng số	Nợ xây lắp	Chi khác	
1	Công trình: Xây dựng công trình cấp bách để xóa phòng học tạm xã Sảng Mộc huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên - năm 2016	2.377.466	2170/QĐ-SGDĐT	29/12/2023	2.299.372	2.186.662	112.710		112.710	100.299	12.412	SN
2	Công trình: Xây dựng công trình cấp bách để xóa phòng học tạm xã Vũ Chấn, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên năm 2016	3.847.235	2171/QĐ-SGDĐT	29/12/2023	3.733.528	3.558.906	174.622		174.622	160.454	14.168	SN
3	Công trình: Xây dựng công trình cấp bách để xóa phòng học tạm xã Thần Sa, xã Sảng Mộc, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên năm 2016	4.965.014	2169/QĐ-SGDĐT	29/12/2023	4.798.451	4.574.167	224.284		224.284	203.538	20.746	SN
4	Công trình: Xây dựng công trình cấp bách để xóa phòng học tạm xã Văn Lãng huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên - năm 2016	1.382.797	2172/QĐ-SGDĐT	29/12/2023	1.305.735	1.255.907	49.827		49.827	46.534	3.293	SN
5	Công trình: Xây dựng công trình cấp bách để xóa phòng học tạm xã Phương Giao huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên - năm 2016	715.033	2173/QĐ-SGDĐT	29/12/2023	684.425	658.609	25.816		25.816	24.287	1.529	SN
6	Công trình: Xây dựng công trình cấp bách để xóa phòng học tạm xã Liên Minh, xã Phương Giao huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên - năm 2016	2.014.583	1138/QĐ-UBND	24/4/2020	1.934.300	1.864.123	70.177		70.177	70.177		SN
7	Công trình: Xây dựng công trình cấp bách để xóa phòng học tạm xã Tráng Xá, xã Dân Tiến huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên - năm 2016	5.152.705	1162/QĐ-UBND	27/4/2020	4.498.893	4.387.429	111.464		111.464	111.464		SN



TT	Tên dự án	Giá trị tổng dự toán công trình (cả điều chỉnh, bổ sung)	Quyết định phê duyệt Quyết toán			Giá trị đã thanh toán	Tổng nợ đến 31/12/2023	Thanh toán trong năm 2024	Nợ còn lại đến 31/12/2024			Nguồn vốn
			Số	Ngày tháng	Giá trị				Tổng số	Nợ xây lắp	Chi khác	
8	Công trình: Cải tạo, nâng cấp, mở rộng nhà Hội trường cấp 4, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên	2.126.152	1599/QĐ-SGDĐT	20/11/2023	2.035.888	1.570.000	465.888	465.888	374.769	91.119	SN	
9	Công trình: Cải tạo, sửa chữa hệ thống nhà vệ sinh, trụ sở Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên	1.832.469	1600/QĐ-SGDĐT	20/11/2023	1.793.320	1.419.589	373.731	373.731	357.762	15.968	SN	
10	Cải tạo, sửa chữa nhà bếp ăn và khu nội trú các trường PTDTBT và các trường có học sinh hưởng chế độ bán trú trên địa bàn huyện Võ Nhai	5.827.733	1601/QĐ-SGDĐT	20/11/2023	5.479.682	5.064.105	415.578	415.578	393.589	21.989	SN	
11	Cải tạo, sửa chữa Nhà bếp ăn và Khu nội trú các trường PTDTBT và các trường có học sinh hưởng chế độ bán trú trên địa bàn huyện Đồng Hỷ và thành phố Sông Công	4.111.989	2174/QĐ-SGDĐT	29/12/2023	3.861.222	3.328.236	532.986	532.986	517.933	15.053	SN	
12	Sửa chữa, cải tạo một số hạng mục thuộc Trường PTDTBT THCS Liên Minh và Trường PTDTBT THCS Sáng Mộc, huyện Võ Nhai	4.244.857	2167/QĐ-SGDĐT	29/12/2023	4.193.135	2.565.615	1.627.520	1.627.520	1.357.148	270.372	SN	
<b>Tổng cộng:</b>					36.617.952	32.433.348	4.184.604	4.184.604	3.717.955	466.650		

